

Bản án số: **310/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 12- 11 - 2021

V/v *Không công nhận vợ chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Huệ; 2. Bà Hà Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04/10/2021 về không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/10/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bàn Thị L**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn K, xã X, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Bị đơn:* Anh **Triệu Văn K**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn K, xã X, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị L, anh K có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải chị Bàn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Triệu Văn K sau thời gian quen biết và tìm hiểu đến năm 1992 chị với anh K đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống tại thôn K, xã X, trong quá trình sinh sống cùng nhau do không cẩn thận nên đã bị thất lạc giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng sinh sống chị với anh K hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng không thống nhất được cách làm ăn, vợ chồng chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn K

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Triệu Văn Giang, sinh ngày 06/7/1993 và Triệu Hồng Sơn, sinh ngày 04/9/1995. Cả hai con chung của chị đã trưởng thành, có khả năng lao động chị không đề nghị Tòa án giải quyết nuôi con chung.

- Tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Vợ chồng chị không vay nợ ai, không đề nghị giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Triệu Văn K trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị L sau một thời gian tìm hiểu và anh với chị L kết hôn đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại UBND xã Xuân Vân và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, khi kết hôn được UBND xã Xuân Vân trao giấy chứng nhận kết hôn cho anh nhưng quá trình sinh sống do thời gian lâu nên anh đã bị thất lạc giấy chứng nhận kết hôn nên anh không thể cung cấp cho Tòa án được. Sau khi cưới vợ chồng anh về chung sống tại thôn K, xã X, huyện Yên Sơn, nay chị L đề nghị ly hôn anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Triệu Văn Giang, sinh ngày 06/7/1993 và Triệu Hồng Sơn, sinh ngày 04/9/1995. Cả hai con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động anh không đề nghị Tòa án giải quyết nuôi con chung.

- Tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Vợ chồng anh không vay nợ ai, không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L và anh K đã có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị L. Tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bàn Thị L và anh Triệu Văn K

- Chị Bàn Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

-Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bàn Thị L và anh Triệu Văn K có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa bàn xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các điều 28, 35 và điều 39 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải các bên đương sự đều đề nghị giải quyết không công nhận vợ chồng, về con chung, tài sản, vay nợ không đề nghị Tòa án giải quyết. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: - Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị L và anh Triệu Văn K lấy nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1992 đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, trên tinh thần tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị L và anh K không giao nộp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn cho biết, hiện tại UBND xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn thời điểm năm 1992 và từ năm 1997 trở về trước. Như vậy, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có căn cứ chứng minh chị L và anh K có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị L và anh K mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, chị L cho rằng tình cảm không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về kinh tế. Nay chị L có đơn khởi kiện xác định giữa chị L và anh K không có đăng ký kết hôn nên không công nhận vợ chồng giữa chị L và anh K.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị L. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bàn Thị L và anh Triệu Văn K là phù hợp quy định tại điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Con chung anh chị đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh chị không yêu cầu xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Bàn Thị L phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị L theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 14, điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị L.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bàn Thị L và anh Triệu Văn K.

2. Về án phí: Chị Bàn Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003824 ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Chị Bàn Thị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị L và anh Triệu Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn; (nt)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã Xuân Vân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

